

Bản án số: 224/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 31 - 12 - 2021  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN D  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông La Văn Việt
2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa:*** Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 690/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2021/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021 do nguyên đơn bà Lương Thị H trình bày như sau:*

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông Trần Văn T trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tiến đến hôn nhân vào năm 2007. Cả hai người có đến Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2007. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bà có khuyên can nhưng ông T không thay đổi tính tình. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Quốc D sinh ngày 26/4/2006 hiện do bà đang nuôi khi ly hôn bà xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

*Bị đơn ông Trần Văn T:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Ly hôn*” là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Văn T có địa chỉ tại Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Lương Thị H khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Trần Văn T được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3] Xét xử vắng mặt: Bà Lương Thị H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà. Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà H xác định có đăng ký kết hôn với ông T. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà H và ông T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do ông T không quan tâm chăm sóc vợ, hai người thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã và đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà H được ly hôn với ông T.

[2.2] Đối với con chung: bà H và ông T có một con chung tên Trần Quốc D sinh ngày 26/4/2006. Cháu D có nguyện vọng sống chung với bà H, nên cần để bà H tiếp tục nuôi con. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: bà H khai giữa bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;**

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Bà Lương Thị H được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. *Về con chung:* Bà Lương Thị H được tiếp tục nuôi con tên Trần Quốc D sinh ngày 26/4/2006, ông T không cấp dưỡng vì bà H không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, ông T được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

3. *Về tài sản và nợ chung:* Không có không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà H nộp theo biên lai số 0009030 ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Như vậy bà H đã nộp xong.

5. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Nơi nhận:***

-Các đương sự;  
-TAND Tỉnh Long An;  
-VKSND huyện Đức Hòa;  
-UBND xã Đức Hòa Đông;  
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;

**Nguyễn Thị Mộng Thúy**